

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-31
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-31
Phụ lục 01: Thông tin về các khoản vay ngắn hạn	29-30
Phụ lục 02: Thông tin về các khoản vay dài hạn	31

50111
CÔNG
CHÍNH
NG KIẾ
AA
KIẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Danh Sơn	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Lợi	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Lợi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thùy Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 28/04/2023)
Bà Trần Nguyệt Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2023)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được lập ngày 05 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2023, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 364,11 tỷ VND, lũy kế 213,26 tỷ VND tương ứng 41,98% vốn góp của chủ sở hữu. Sự kiện này cùng với các vấn đề được nêu ở thuyết minh số 01 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5136-2020-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		452.397.735.988	521.801.619.871
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	6.636.203.371	4.432.791.303
111	1. Tiền		6.636.203.371	4.432.791.303
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		357.622.314.430	478.597.651.268
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	357.106.153.445	476.309.877.469
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	403.050.000	2.170.672.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	287.391.938	291.381.952
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(174.280.953)	(174.280.953)
140	IV. Hàng tồn kho	8	86.148.462.183	37.460.068.469
141	1. Hàng tồn kho		86.148.462.183	37.460.068.469
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.990.756.004	1.311.108.831
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.990.756.004	1.311.108.831
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		741.071.732.640	793.385.090.178
220	II. Tài sản cố định		717.198.522.464	765.540.265.069
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	717.198.522.464	765.520.673.504
222	- Nguyên giá		1.258.722.041.923	1.258.722.041.923
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(541.523.519.459)	(493.201.368.419)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	19.591.565
228	- Nguyên giá		246.000.000	246.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(246.000.000)	(226.408.435)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		23.873.210.176	27.844.825.109
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	23.873.210.176	27.844.825.109
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.193.469.468.628	1.315.186.710.049

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÈP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		898.731.615.186	1.023.396.050.140
310	I. Nợ ngắn hạn		816.508.328.129	895.172.763.083
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	476.440.824.208	569.745.244.861
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	5.116.125.835	2.498.780.483
314	3. Phải trả người lao động		8.263.070.369	9.519.799.243
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	509.726.090	619.507.775
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	3.270.153.155	3.168.283.571
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	322.908.428.472	309.621.147.150
330	II. Nợ dài hạn		82.223.287.057	128.223.287.057
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	82.223.287.057	128.223.287.057
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		294.737.853.442	291.790.659.909
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	294.737.853.442	291.790.659.909
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		508.000.001.467	508.000.001.467
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		508.000.001.467	508.000.001.467
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(213.262.148.025)	(216.209.341.558)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(216.209.341.558)	(218.926.849.774)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		2.947.193.533	2.717.508.216
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.193.469.468.628	1.315.186.710.049

Nguyễn Thị Huệ

Nguyễn Thị Huệ
Người lập

Nguyễn Thị Minh Châu

Nguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởng



Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính


cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	4.171.627.011.050	5.471.416.823.823
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.171.627.011.050	5.471.416.823.823
11	4. Giá vốn hàng bán	20	4.112.181.167.196	5.410.918.311.055
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		59.445.843.854	60.498.512.768
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.456.670	7.953.189
22	7. Chi phí tài chính	22	39.452.540.306	39.321.873.206
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		39.307.542.695	39.200.061.956
25	8. Chi phí bán hàng	23	184.980.834	274.753.807
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	11.035.568.129	13.126.839.502
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.776.211.255	7.782.999.442
31	11. Thu nhập khác	25	623.279.517	758.715.199
32	12. Chi phí khác	26	3.098.567.757	2.907.273.931
40	13. Lợi nhuận khác		(2.475.288.240)	(2.148.558.732)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.300.923.015	5.634.440.710
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	3.353.729.482	2.916.932.494
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.947.193.533	2.717.508.216
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	58	53


Nguyễn Thị Huệ
Người lập


Nguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởng


Trần Tuấn
Tổng Giám đốc




Thái Nguyên, ngày 05 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.300.923.015	5.634.440.710
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		48.341.742.605	54.191.181.807
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.456.670)	(7.953.189)
06	- Chi phí lãi vay		39.307.542.695	39.200.061.956
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		93.946.751.645	99.017.731.284
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		120.975.336.838	(53.316.051.949)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(48.688.393.714)	38.336.379.121
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(93.912.952.213)	17.081.251.928
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.291.967.760	1.008.027.890
14	- Tiền lãi vay đã trả		(39.265.438.149)	(39.012.255.792)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.434.598.091)	(3.106.422.173)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		34.912.674.076	60.008.660.309
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(258.550.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.456.670	7.953.189
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.456.670	(250.596.811)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		602.608.297.624	619.564.419.591
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(635.321.016.302)	(678.485.507.570)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(32.712.718.678)	(58.921.087.979)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.203.412.068	836.975.519
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.432.791.303	3.595.815.784
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		6.636.203.371	4.432.791.303


Nguyễn Thị Huệ
Người lập


Nguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởng


Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 508.000.001.467 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 508.000.001.467 VND; trong đó 50.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 252 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 269 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất sắt, thép.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2023, lỗ lũy kế của Công ty là 213,26 tỷ VND. Đồng thời, nợ phải trả lớn gấp 3,05 lần vốn chủ sở hữu và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 364,11 tỷ VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai và/hoặc khả năng thu xếp tài chính từ các bên khác của Công ty.

Công ty hiện đang có khách hàng truyền thống mua hàng với khối lượng lớn là Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Đây cũng là bên cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty với thời gian thanh toán phù hợp để giảm áp lực về nhu cầu vốn lưu động mua nguyên vật liệu. Việc được hỗ trợ nguồn đầu vào và bao tiêu nguồn đầu ra kể trên đã làm cho kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty những năm gần đây đều có lãi, khoản lỗ lũy kế đã giảm từ 216,21 tỷ đồng tại ngày 01/01/2023 xuống còn 213,26 tỷ đồng tại ngày 31/12/2023. Đồng thời, hàng năm Công ty đều được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cấp hạn mức tín dụng, đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở này, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là hoàn toàn phù hợp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Đối với máy móc thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm kể từ ngày 01/01/2015 căn cứ vào công văn số 19139/BTC-TCDN ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về phương pháp khấu hao của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung.

Ngoại trừ Máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất được trích theo phương pháp sản lượng. Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.
- Các khoản chi phí vật liệu phụ phục vụ sản xuất được phân bổ căn cứ trên cơ sở định mức tiêu hao kinh tế kỹ thuật.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, vật tư xuất bán cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn, lãi chậm thanh toán ... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thép, diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

3 . TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	23.725.965	166.386.496
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.612.477.406	4.266.404.807
	6.636.203.371	4.432.791.303

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>356.931.872.492</i>	-	<i>476.135.596.516</i>	-
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	356.931.872.492	-	476.135.596.516	-
<i>Bên khác</i>	<i>174.280.953</i>	<i>(174.280.953)</i>	<i>174.280.953</i>	<i>(174.280.953)</i>
Phải thu khách hàng khác	174.280.953	(174.280.953)	174.280.953	(174.280.953)
	357.106.153.445	(174.280.953)	476.309.877.469	(174.280.953)

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Glory Thành Đô	-	-	2.117.148.000	-
Công ty TNHH SAIGON	348.625.200	-	-	-
Các đối tượng khác	54.424.800	-	53.524.800	-
	403.050.000	-	2.170.672.800	-

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) <i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu người lao động về bảo hiểm bắt buộc	172.635.060	-	180.871.616	-
Tạm ứng	-	-	50.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	60.000.000	-	60.000.000	-
Thỏa ước lao động tập thể	37.787.726	-	-	-
Phải thu khác	16.969.152	-	510.336	-
	287.391.938	-	291.381.952	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6 . PHẢI THU KHÁC (tiếp)

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	60.000.000	-	60.000.000	-
Lâm Thanh Hương	-	-	50.000.000	-
Phải thu khác	227.391.938	-	181.381.952	-
	287.391.938	-	291.381.952	-
b) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	60.000.000	-	60.000.000	-
	60.000.000	-	60.000.000	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Sản xuất thép kết cấu và Xây dựng Thành Trung	136.505.633	-	136.505.633	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Việt Thắng	37.775.320	-	37.775.320	-
	174.280.953	-	174.280.953	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	85.365.107.948	-	36.528.580.176	-
Công cụ, dụng cụ	783.354.235	-	931.488.293	-
	86.148.462.183	-	37.460.068.469	-

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	164.411.326.048	896.812.978.606	197.305.440.949	192.296.320	1.258.722.041.923
Số dư cuối năm	164.411.326.048	896.812.978.606	197.305.440.949	192.296.320	1.258.722.041.923
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	59.102.473.926	371.780.264.121	62.154.537.069	164.093.303	493.201.368.419
- Khấu hao trong năm	7.051.236.832	33.861.889.087	7.400.705.125	8.319.996	48.322.151.040
Số dư cuối năm	66.153.710.758	405.642.153.208	69.555.242.194	172.413.299	541.523.519.459
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	105.308.852.122	525.032.714.485	135.150.903.880	28.203.017	765.520.673.504
Tại ngày cuối năm	98.257.615.290	491.170.825.398	127.750.198.755	19.883.021	717.198.522.464

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 716.349.933.335 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.334.385.526 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 31/12/2023 lần lượt là 246.000.000 VND và 246.000.000 VND. Khấu hao trong năm là 19.591.565 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phụ tùng thay thế, vật tư sửa chữa và công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.569.666.667	828.529.165
Chi phí mua bảo hiểm	404.355.998	426.792.044
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	16.733.339	55.787.622
	1.990.756.004	1.311.108.831
b) Dài hạn		
Phụ tùng thay thế, vật tư sửa chữa xuất dùng chờ phân bổ	8.121.233.630	8.621.125.112
Vật liệu phụ phục vụ sản xuất (*)	15.529.109.550	19.174.529.997
Chi phí trả trước dài hạn khác	222.866.996	49.170.000
	23.873.210.176	27.844.825.109

(*) Vật liệu phụ phục vụ sản xuất là các phụ kiện phục vụ cán thép như trục cán, con lăn, lưỡi dao cắt ... có thời gian phân bổ trên 12 tháng.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	457.044.022.340	457.044.022.340	551.639.627.475	551.639.627.475
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	457.044.022.340	457.044.022.340	551.639.627.475	551.639.627.475
Bên khác	19.396.801.868	19.396.801.868	18.105.617.386	18.105.617.386
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ xăng dầu Đình Vũ	7.795.825.857	7.795.825.857	7.458.511.319	7.458.511.319
Phải trả nhà cung cấp khác	11.600.976.011	11.600.976.011	10.647.106.067	10.647.106.067
	476.440.824.208	476.440.824.208	569.745.244.861	569.745.244.861

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Bù trừ thu quá sau quyết toán	Bù trừ tiền thuê đất được giảm năm 2022	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.064.182.392	9.785.575.459	9.087.361.498	-	-	-	1.762.396.353
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.434.598.091	3.353.729.482	1.434.598.091	-	-	-	3.353.729.482
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	73.202.556	71.635.074	1.567.482	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	256.609.360	181.881.843	-	74.727.517	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
	-	2.498.780.483	13.472.116.857	10.778.476.506	1.567.482	74.727.517	-	5.116.125.835

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	487.140.394	590.033.459
- Chi phí phải trả khác	22.585.696	29.474.316
	509.726.090	619.507.775

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	98.236.064	103.233.869
- Phải trả lãi vay	3.101.402.538	2.956.404.927
+ <i>Lãi chậm thanh toán của Hợp tác xã vận tải Ô tô Tân Phú</i>	3.101.402.538	2.956.404.927
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	70.514.553	108.644.775
	3.270.153.155	3.168.283.571

16 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	239.621.147.150	239.621.147.150	602.608.297.624	598.821.016.302	243.408.428.472	243.408.428.472
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	239.621.147.150	239.621.147.150	602.608.297.624	598.821.016.302	243.408.428.472	243.408.428.472
Vay dài hạn đến hạn trả	70.000.000.000	70.000.000.000	46.000.000.000	36.500.000.000	79.500.000.000	79.500.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	70.000.000.000	70.000.000.000	46.000.000.000	36.500.000.000	79.500.000.000	79.500.000.000
	309.621.147.150	309.621.147.150	648.608.297.624	635.321.016.302	322.908.428.472	322.908.428.472
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	198.223.287.057	198.223.287.057	-	36.500.000.000	161.723.287.057	161.723.287.057
	198.223.287.057	198.223.287.057	-	36.500.000.000	161.723.287.057	161.723.287.057
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)	(46.000.000.000)	(36.500.000.000)	(79.500.000.000)	(79.500.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	128.223.287.057	128.223.287.057			82.223.287.057	82.223.287.057

Thông tin bổ sung về các khoản vay được trình bày tại Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02.

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	508.000.001.467	(218.926.849.774)	289.073.151.693
Lãi trong năm trước	-	2.717.508.216	2.717.508.216
Số dư cuối năm trước	<u>508.000.001.467</u>	<u>(216.209.341.558)</u>	<u>291.790.659.909</u>
Số dư đầu năm nay	508.000.001.467	(216.209.341.558)	291.790.659.909
Lãi trong năm nay	-	2.947.193.533	2.947.193.533
Số dư cuối năm nay	<u>508.000.001.467</u>	<u>(213.262.148.025)</u>	<u>294.737.853.442</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	93,68	475.876.533.387	93,68	475.876.533.387
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Nam	4,77	24.208.538.080	4,77	24.208.538.080
Các cổ đông khác	1,55	7.914.930.000	1,55	7.914.930.000
	<u>100,00</u>	<u>508.000.001.467</u>	<u>100,00</u>	<u>508.000.001.467</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	508.000.001.467	508.000.001.467
- Vốn góp cuối năm	508.000.001.467	508.000.001.467

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	50.800.000	50.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.800.000	50.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.800.000	50.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên tại phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất, kinh doanh. Thời hạn thuê đất là 49 năm, từ năm 2008 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là: 53.133,9 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

b) Tài sản nhận giữ hộ	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
- Phôi nhận gửi (tấn)	15.345,534	20.843,713
- Thép nhận gửi (tấn)	9.076,515	10.921,543
19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	4.171.627.011.050	5.471.416.823.823
	<u>4.171.627.011.050</u>	<u>5.471.416.823.823</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<u>4.101.508.044.920</u>	<u>5.471.072.383.823</u>
20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	4.112.181.167.196	5.410.918.311.055
	<u>4.112.181.167.196</u>	<u>5.410.918.311.055</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<u>3.870.423.258.650</u>	<u>5.077.973.984.737</u>
21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.456.670	7.953.189
	<u>3.456.670</u>	<u>7.953.189</u>
22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	39.307.542.695	39.200.061.956
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	144.997.611	121.811.250
	<u>39.452.540.306</u>	<u>39.321.873.206</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.707.544	8.841.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.563.100	125.987.200
Chi phí khác bằng tiền	58.710.190	139.924.837
	184.980.834	274.753.807

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	637.859.423	864.445.150
Chi phí nhân công	4.258.100.285	5.093.220.196
Chi phí khấu hao tài sản cố định	850.089.509	1.078.441.806
Thuế, phí, lệ phí	259.609.360	259.609.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.701.595.274	2.059.622.987
Chi phí khác bằng tiền	3.328.314.278	3.771.500.003
	11.035.568.129	13.126.839.502

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền bảo hiểm rủi ro tài sản máy biến áp	-	427.277.049
Tiền thuê đất được giảm 30% theo quy định	74.727.517	74.727.517
Thu nhập từ thu hồi thép phế	525.552.000	-
Thu nhập khác	23.000.000	256.710.633
	623.279.517	758.715.199

Trong đó: Thu từ bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	250.337	-
Chi phí trong thời gian ngừng sản xuất (*)	3.091.927.420	2.896.987.238
Chi phí khác	6.390.000	10.286.693
	3.098.567.757	2.907.273.931

(*) Chi phí trong thời gian ngừng sản xuất là các chi phí phát sinh khi Công ty thực hiện ngừng sản xuất kết hợp sửa chữa tài sản cố định trong tháng 4. Các chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất chủ yếu là chi phí lương, chi phí vật tư, chi phí khấu hao... phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.300.923.015	5.634.440.710
Các khoản điều chỉnh tăng	10.467.724.397	8.950.221.762
- Chi phí không hợp lệ	10.467.724.397	8.950.221.762
Thu nhập chịu thuế TNDN	16.768.647.412	14.584.662.472
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	3.353.729.482	2.916.932.494
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.434.598.091	1.624.087.770
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.434.598.091)	(3.106.422.173)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	3.353.729.482	1.434.598.091

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.947.193.533	2.717.508.216
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.947.193.533	2.717.508.216
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	50.800.000	50.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	58	53

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.021.438.545.309	5.267.120.141.166
Chi phí nhân công	28.988.067.831	35.221.953.444
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.689.253.955	53.752.935.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.840.574.953	18.542.478.438
Chi phí khác bằng tiền	9.445.274.111	10.118.669.971
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	4.123.401.716.159	5.384.756.178.393

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải rủi ro thị trường như: biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền	6.612.477.406	-	-	6.612.477.406
Phải thu khách hàng, phải thu khác	357.219.264.430	-	-	357.219.264.430
	<u>363.831.741.836</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>363.831.741.836</u>
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền	4.266.404.807	-	-	4.266.404.807
Phải thu khách hàng, phải thu khác	476.426.978.468	-	-	476.426.978.468
	<u>480.693.383.275</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>480.693.383.275</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	322.908.428.472	82.223.287.057	-	405.131.715.529
Phải trả người bán, phải trả khác	479.710.977.363	-	-	479.710.977.363
Chi phí phải trả	509.726.090	-	-	509.726.090
	<u>803.129.131.925</u>	<u>82.223.287.057</u>	<u>-</u>	<u>885.352.418.982</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	309.621.147.150	128.223.287.057	-	437.844.434.207
Phải trả người bán, phải trả khác	572.913.528.432	-	-	572.913.528.432
Chi phí phải trả	619.507.775	-	-	619.507.775
	<u>883.154.183.357</u>	<u>128.223.287.057</u>	<u>-</u>	<u>1.011.377.470.414</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Doanh thu		4.101.508.044.920	5.471.072.383.823
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	4.101.508.044.920	5.471.072.383.823
Mua hàng		3.870.423.258.650	5.077.973.984.737
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	3.870.423.258.650	5.077.973.984.737
Thu nhập khác		-	146.413.026
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	-	146.413.026

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thu nhập của người quản lý chủ chốt:

	Mối quan hệ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Hoàng Danh Sơn	Chủ tịch HĐQT	63.700.000	80.700.000
Ông Trần Tuấn	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	387.365.047	396.169.488
Ông Phạm Thế Dũng	Ủy viên HĐQT, P. Tổng Giám đốc	-	43.035.212
Ông Phan Đình Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	-	31.298.336
Ông Nguyễn Đức Lợi	Ủy viên HĐQT, P. Tổng Giám đốc	323.127.668	318.223.873
Bà Đỗ Thủy Hương	Trưởng Ban kiểm soát	260.130.088	273.727.744
Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên BKS (Bổ nhiệm 28/04/2023)	149.562.159	-
Bà Trần Nguyệt Anh	Thành viên Ban kiểm soát	18.000.000	25.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên BKS (Miễn nhiệm 28/04/2023)	107.005.073	262.513.957

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Huệ
Người lập



Nguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởng





Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 03 năm 2024

PHỤ LỤC 01 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2023	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên							
1	HĐ vay ngắn hạn số 50.01/2022/2573181/HĐTD	09/08/23	8,5%	5 tháng	6.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
2	HĐ vay ngắn hạn số 51.01/2022/2573181/HĐTD	10/08/23	8,5%	5 tháng	1.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
3	HĐ vay ngắn hạn số 52.01/2022/2573181/HĐTD	11/08/23	8,5%	5 tháng	1.275.742.922	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
4	HĐ vay ngắn hạn số 53.01/2022/2573181/HĐTD	17/08/23	8,5%	5 tháng	6.098.918.496	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
5	HĐ vay ngắn hạn số 54.01/2022/2573181/HĐTD	23/08/23	8,0%	5 tháng	2.072.676.952	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
6	HĐ vay ngắn hạn số 55.01/2022/2573181/HĐTD	24/08/23	8,0%	5 tháng	9.483.759.572	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
7	HĐ vay ngắn hạn số 56.01/2022/2573181/HĐTD	25/08/23	8,0%	5 tháng	9.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
8	HĐ vay ngắn hạn số 57.01/2022/2573181/HĐTD	06/09/23	8,0%	5 tháng	30.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
9	HĐ vay ngắn hạn số 58.01/2022/2573181/HĐTD	07/09/23	8,0%	5 tháng	25.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
10	HĐ vay ngắn hạn số 59.01/2022/2573181/HĐTD	15/09/23	8,0%	5 tháng	1.503.606.694	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
11	HĐ vay ngắn hạn số 60.01/2022/2573181/HĐTD	18/09/23	8,0%	5 tháng	13.065.897.808	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
12	HĐ vay ngắn hạn số 61.01/2022/2573181/HĐTD	19/09/23	8,0%	5 tháng	24.467.892.701	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
13	HĐ vay ngắn hạn số 62.01/2022/2573181/HĐTD	22/09/23	8,0%	5 tháng	2.706.563.709	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
14	HĐ vay ngắn hạn số 63.01/2022/2573181/HĐTD	28/09/23	8,0%	5 tháng	3.033.509.102	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
15	HĐ vay ngắn hạn số 64.01/2022/2573181/HĐTD	29/09/23	8,0%	5 tháng	2.276.839.837	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
16	HĐ vay ngắn hạn số 65.01/2022/2573181/HĐTD	12/10/23	8,0%	5 tháng	1.422.289.621	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
17	HĐ vay ngắn hạn số 66.01/2022/2573181/HĐTD	16/10/23	8,0%	5 tháng	1.999.307.877	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
18	HĐ vay ngắn hạn số 67.01/2022/2573181/HĐTD	18/10/23	8,0%	5 tháng	5.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 31/12/2023

PHỤ LỤC 01 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2023	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên							
19	HĐ vay ngắn hạn số 68.01/2022/2573181/HĐTD	19/10/23	8,0%	5 tháng	1.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
20	HĐ vay ngắn hạn số 69.01/2022/2573181/HĐTD	24/10/23	8,0%	5 tháng	6.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
21	HĐ vay ngắn hạn số 70.01/2022/2573181/HĐTD	30/10/23	8,0%	5 tháng	10.997.505.407	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
22	HĐ vay ngắn hạn số 71.01/2022/2573181/HĐTD	02/11/23	8,0%	5 tháng	2.242.768.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
23	HĐ vay ngắn hạn số 72.01/2022/2573181/HĐTD	02/11/23	8,0%	5 tháng	10.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
24	HĐ vay ngắn hạn số 73.01/2022/2573181/HĐTD	06/11/23	8,0%	5 tháng	10.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
25	HĐ vay ngắn hạn số 74.01/2022/2573181/HĐTD	10/11/23	8,0%	5 tháng	2.333.595.701	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
26	HĐ vay ngắn hạn số 75.01/2022/2573181/HĐTD	15/11/23	8,0%	5 tháng	1.678.940.529	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
27	HĐ vay ngắn hạn số 76.01/2022/2573181/HĐTD	15/11/23	8,0%	5 tháng	30.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
28	HĐ vay ngắn hạn số 77.01/2022/2573181/HĐTD	17/11/23	8,0%	5 tháng	2.240.739.021	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
29	HĐ vay ngắn hạn số 78.01/2022/2573181/HĐTD	20/11/23	8,0%	5 tháng	1.184.834.649	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
30	HĐ vay ngắn hạn số 79.01/2022/2573181/HĐTD	23/11/23	8,0%	5 tháng	10.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
31	HĐ vay ngắn hạn số 80.01/2022/2573181/HĐTD	24/11/23	8,0%	5 tháng	1.737.311.866	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
32	HĐ vay ngắn hạn số 81.01/2022/2573181/HĐTD	27/11/23	8,0%	5 tháng	3.380.160.877	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
33	HĐ vay ngắn hạn số 82.01/2022/2573181/HĐTD	29/11/23	8,0%	5 tháng	5.205.567.131	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
	Tổng cộng				243.408.428.472		

Tổng hạn mức các hợp đồng tín dụng nêu trên là 250.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 31/12/2023

PHỤ LỤC 2 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

Ngân hàng - Số hợp đồng	Mục đích khoản vay	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (năm)	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2023	Số dư đến hạn trả trong 12 tháng	Phương thức đảm bảo (*)
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Thái Nguyên				70.476.482.444	34.638.150.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,00%	70.476.482.444	34.638.150.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Tuyên Quang				31.842.223.105	15.653.550.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,00%	31.842.223.105	15.653.550.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Đông Đô (HN)				21.217.367.555	10.430.400.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,00%	21.217.367.555	10.430.400.000	Tài sản thế chấp
Ngân Hàng NN&PT Nông thôn CN Thái Nguyên				16.969.846.399	8.347.500.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,00%	16.969.846.399	8.347.500.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Lưu xá (TN)				10.608.683.777	5.215.200.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,00%	10.608.683.777	5.215.200.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Thái Nguyên				10.608.683.777	5.215.200.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,00%	10.608.683.777	5.215.200.000	Tài sản thế chấp
	Tổng cộng			161.723.287.057	79.500.000.000	

(*): Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

